



Gia Lai, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III/2026 như sau:

I. Giải trình kết quả hoạt động kinh doanh chuyển từ lỗ tại Báo cáo tài chính (“BCTC”) tổng hợp Quý III/2025 sang lãi tại BCTC tổng hợp Quý III/2026:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý III/2026 của Công ty chuyển từ lỗ sang lãi chủ yếu do lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và lãi từ hoạt động chuyển nhượng một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. Khoản này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2025.

II. Giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh:

Đvt: Tỷ đồng

Khoản mục	BCTC tổng hợp Quý III/2026	BCTC tổng hợp Quý III/2025	Biến động
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30	(35)	65

Biến động kết quả kinh doanh như sau:

- Lãi hoạt động tài chính tăng 83 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu như sau:
 - + Lãi từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư tăng 23 tỷ đồng. Khoản này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2025.
 - + Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh tăng 51 tỷ đồng. Khoản này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2025.
 - + Chi phí lãi vay giảm 24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.
 - + Lãi từ các hoạt động tài chính khác (chênh lệch tỷ giá, hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn,...) giảm 15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.
- Các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng 18 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

Các lĩnh vực khác của Công ty không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III/2026.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.



NGUYỄN XUÂN THẮNG

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
HOÀNG
ANH GIA LAI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA
LAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:590037720
Reason: I am the author of this
document
Date: 2026.10.30 19:29:30+0700
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2026

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 37



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.560.919.808	1.879.710.545
110	I. Tiền	4	26.117.465	646.021.524
111	1. Tiền		26.117.465	146.021.524
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		691.052.909	6.182.346
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	937.428.496	23.640.371
124	2. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(246.375.587)	(17.458.025)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		834.040.401	1.223.283.867
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	24.252.637	19.910.791
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	40.334.524	28.140.571
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.468.337.607	1.831.518.151
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(698.884.367)	(656.285.646)
140	IV. Hàng tồn kho	9	5.621.588	641.907
141	1. Hàng tồn kho		7.963.163	2.983.482
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.087.445	3.580.901
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		2.463	16.146
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		957.403	437.176
163	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.500.521.726	13.647.036.637
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.126.130	860.046.186
215	1. Phải thu dài hạn khác	8	11.126.130	860.046.186
220	II. Tài sản cố định		118.908.047	120.223.347
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	93.313.401	94.828.168
222	Nguyên giá		219.243.159	217.359.756
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(125.929.758)	(122.531.588)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.594.646	25.395.179
228	Nguyên giá		40.479.338	40.240.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.884.692)	(14.845.773)
240	III. Bất động sản đầu tư	12	46.890.687	48.802.868
241	1. Nguyên giá		63.456.715	63.456.715
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(16.566.028)	(14.653.847)
250	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.212.902	1.494.550
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.212.902	1.494.550
260	V. Đầu tư tài chính dài hạn		14.315.354.360	12.612.204.201
261	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	11.857.929.719	12.184.027.219
263	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	7.360.041	916.380.007
264	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(114.908.647)	(1.389.621.259)
265	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	13.3	2.564.973.247	901.418.234
270	VI. Tài sản dài hạn khác		4.029.600	4.265.485
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	14	1.277.912	1.513.797
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.751.688	2.751.688
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.061.441.534	15.526.747.182



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2026

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.121.294.594	4.990.484.904
310	I. Nợ ngắn hạn		1.130.224.968	4.977.453.444
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	34.780.923	40.853.050
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.136.487	7.699.917
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	17	104.645.748	19.020.466
315	4. Phải trả người lao động		6.142.362	5.811.740
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	95.035.794	2.021.108.360
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	591.114.307	1.496.452.264
321	7. Vay ngắn hạn	20	288.265.837	1.386.404.137
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		1.991.069.626	13.031.460
338	1. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
339	2. Vay dài hạn	20	1.975.732.455	-
342	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.305.711	-
343	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	12.940.146.940	10.536.262.278
411	1. Vốn của chủ sở hữu		12.674.679.470	12.674.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.674.679.470	12.674.679.470
412	2. Thặng dư vốn		408.450.000	408.450.000
415	3. Cổ phiếu mua lại của chính mình		(686.640)	(686.640)
420	4. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(142.295.890)	(2.546.180.552)
420a	- Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(2.548.484.552)	(3.390.990.129)
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.406.188.662	844.809.577
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.061.441.534	15.526.747.182

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.192.294	2.208.604	10.232.992	7.005.706
11	2. Giá vốn hàng bán	23	2.267.665	1.300.343	7.881.350	4.355.491
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		924.629	908.261	2.351.642	2.650.215
22	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	94.159.992	24.119.214	592.154.423	77.378.995
23	5. Chi phí tài chính	24	36.635.684	49.731.130	(573.582.494)	233.062.027
24	Trong đó: Chi phí đi vay		34.366.818	58.630.931	137.133.760	223.386.180
25	6. Chi phí bán hàng	25	414.999	1.497.559	3.064.412	2.643.344
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.713.071	14.087.432	140.404.186	47.573.734
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}		40.320.867	(40.288.646)	1.024.619.961	(203.249.895)
31	9. Thu nhập khác	27	110	52.831	1.549.918.658	434.488
32	10. Chi phí khác	27	732.078	523.591	62.611.408	1.432.122
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	27	(731.968)	(470.760)	1.487.307.250	(997.634)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 +40)		39.588.899	(40.759.406)	2.511.927.211	(204.247.529)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		10.166.364	-	103.432.838	-
52	14. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		(575.741)	(5.699.242)	2.305.711	924.174
60	15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		29.998.276	(35.060.164)	2.406.188.662	(205.171.703)



Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2026



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		2.511.927.211	(204.247.529)
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	5.349.270	4.887.505
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.003.196.329)	3.964.322
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.268.866	(14.408.678)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(592.154.401)	(62.970.323)
06	Chi phí lãi vay	24	137.133.760	223.386.180
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.061.328.377	(49.388.523)
09	Giảm các khoản phải thu		936.692.950	65.365.017
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(4.979.681)	148.123
11	Giảm các khoản phải trả		(2.536.249.180)	(112.027.843)
12	Giảm chi phí chờ phân bổ		249.568	112.913
14	Tiền lãi vay đã trả		(480.371.799)	-
15	Thuế TNDN đã nộp		-	(37.670)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.304.000)	(2.304.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.025.633.765)	(98.131.983)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.143.481)	(5.331.659)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	620.000
23	Tiền chi cho vay		(2.529.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		1.004.895.292	306.279.006
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.305.203.900	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.178.132	69.667.436
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(207.866.157)	371.234.783

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.386.404.137)	(6.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		613.595.863	(6.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(619.904.059)	267.102.800
60	Tiền đầu kỳ	4	646.021.524	4.164.549
70	Tiền cuối kỳ	4	26.117.465	271.267.349

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2026

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 5900377720, do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười ba (13) công ty con gián tiếp và ba (3) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý III/2026 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Thông tư 99 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại *Thuyết minh số 30*.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: các khoản cho vay, và các công cụ tài chính khác có bản chất tương tự. Công ty theo dõi chi tiết từng khoản đầu tư theo từng đối tượng phát hành, kỳ hạn và loại tiền tệ và phân loại các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên kỳ hạn còn lại tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích, phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của từng khoản đầu tư.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khi có bằng chứng khách quan cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị. Mức dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá trị có thể thu hồi ước tính tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản trích lập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập dự phòng không còn, Công ty hoàn nhập phần dự phòng tương ứng và ghi giảm chi phí tài chính.

Khi khoản đầu tư đến ngày đáo hạn hoặc được thanh lý trước hạn, Công ty ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận lãi hoặc lỗ là phần chênh lệch giữa giá trị thuần thu được và giá trị ghi sổ (sau khi đã trừ dự phòng tổn thất, nếu có) tại thời điểm thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn có nhận trước tiền thuê cho nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê theo quy định của Thông tư 200/2025/TT-BTC.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

3.16 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.18 *Trái phiếu*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Đối với trái phiếu phát hành có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: khoản chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày phát hành tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường).

Đối với trái phiếu phát hành có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: khoản chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của trái phiếu phát hành.

3.19 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.21 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.25 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Thuế (tiếp theo)

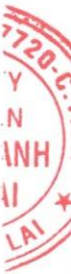
Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại giữa niên độ trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- ▶ Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền gửi ngân hàng	25.170.497	145.507.110
Trong đó:		
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	19.470.543	52.849
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	4.107.796	19.928.264
- Ngân hàng TMCP Quân đội	51.764	124.081.105
- Ngân hàng khác	1.540.394	1.444.892
Các khoản tương đương tiền khác	-	500.000.000
Trong đó:		
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	400.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	100.000.000
Tiền mặt tại quỹ	946.968	514.414
TỔNG CỘNG	26.117.465	646.021.524

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Trình bày lại)
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 29)	455.158.096	-
Tiền gửi có kỳ hạn	400.000.000	-
Lãi cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 29)	61.961.735	1.227.942
Cho vay bên khác (i)	19.450.809	21.554.573
Lãi cho vay bên khác	857.856	857.856
TỔNG CỘNG	937.428.496	23.640.371

(i) Cho vay các công ty, cá nhân thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2026 đến tháng 12 năm 2026.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.758.779	18.138.958
Phải thu tiền bán tài sản cố định	974.763	974.763
Phải thu tiền bán căn hộ	519.095	797.070
TỔNG CỘNG	24.252.637	19.910.791

Phải thu ngắn hạn khách hàng với các bên liên quan là 15.644.083 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	40.334.524	28.140.571
Trả trước cho người bán ngắn hạn với bên liên quan là 22.762.752 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (<i>Thuyết minh số 29</i>).		

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.270.935.793	1.800.386.459
Phải thu các công ty khác	176.619.233	13.267.889
Phải thu nhân viên	8.785.547	11.872.765
Các khoản khác	11.997.034	5.991.038
	1.468.337.607	1.831.518.151
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	-	860.046.186
Các khoản khác	11.126.130	-
	11.126.130	860.046.186
TỔNG CỘNG	1.479.463.737	2.691.564.337

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Hàng hóa	6.171.551	982.376
Nguyên vật liệu	1.589.754	1.791.187
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	143.523	151.584
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	143.523	151.584
Sản phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	7.963.163	2.983.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.621.588	641.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	154.681.086	16.136.179	35.720.874	4.024.117	6.689.440	108.060	217.359.756
Mua mới trong kỳ	-	-	-	1.883.403	-	-	1.883.403
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	154.681.086	16.136.179	35.720.874	5.907.520	6.689.440	108.060	219.243.159
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(65.484.168)	(16.000.772)	(30.476.900)	(3.772.248)	(6.689.440)	(108.060)	(122.531.588)
Khấu hao trong kỳ	(2.347.713)	(15.877)	(865.649)	(168.931)	-	-	(3.398.170)
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	(67.831.881)	(16.016.649)	(31.342.549)	(3.941.179)	(6.689.440)	(108.060)	(125.929.758)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	89.196.918	135.407	5.243.974	251.869	-	-	94.828.168
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	86.849.205	119.530	4.378.325	1.966.341	-	-	93.313.401



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.278.179	14.962.773	40.240.952
Mua mới trong kỳ	-	238.386	238.386
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	25.278.179	15.201.159	40.479.338
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	(14.845.773)	(14.845.773)
Hao mòn trong kỳ	-	(38.919)	(38.919)
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	-	(14.884.692)	(14.884.692)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.278.179	117.000	25.395.179
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	25.278.179	316.467	25.594.646

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	
Nguyên giá		
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2026		63.456.715
Giá trị khấu hao lũy kế		
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		(14.653.847)
Khấu hao trong kỳ		(1.912.181)
Ngày 30 tháng 9 năm 2026		(16.566.028)
Giá trị còn lại		
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		48.802.868
Ngày 30 tháng 9 năm 2026		46.890.687

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	11.857.929.719	(107.548.606)	12.184.027.219	(820.533.726)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	7.360.041	(7.360.041)	916.380.007	(368.130.007)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 13.3)	2.564.973.247	-	901.418.234	(200.957.526)
TỔNG CỘNG	14.430.263.007	(114.908.647)	14.001.825.460	(1.389.621.259)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 9 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Lê Me	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	83,90	2.963.193.500	-	93,13	3.289.291.000	(712.985.120)
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	83,00	2.745.600.000	-	83,00	2.745.600.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	85,00	2.591.261.613	-	85,00	2.591.261.613	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	Đang hoạt động	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
TỔNG CỘNG				11.857.929.719	(107.548.606)		12.184.027.219	(820.533.726)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	-	-	-	8,24	909.019.966	(360.769.966)
TỔNG CỘNG			7.360.041	(7.360.041)		916.380.007	(368.130.007)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Trình bày lại)
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ("Hợp đồng HTKD")	2.029.000.000	-
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần PTNN Stung Treng	670.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	506.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Savannakhet	316.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	287.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Champa	250.000.000	-
Cho vay dài hạn (ii)	400.000.000	853.425.000
Lãi cho vay	70.955.152	47.993.234
Lợi nhuận Hợp đồng HTKD	65.018.095	-
TỔNG CỘNG	2.564.973.247	901.418.234
Trong đó:		
- Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.619.106.112	901.418.234
- Các bên khác	945.867.135	-

14. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công cụ, dụng cụ	1.178.226	1.216.317
Chi phí trả trước dài hạn khác	99.686	297.480
TỔNG CỘNG	1.277.912	1.513.797

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	34.780.923	40.853.050

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 6.738.610 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	10.136.487	7.699.917
Người mua trả tiền trước với các bên liên quan là 8.875.417 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 (Thuyết minh số 29).		

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.432.838	-
Thuế giá trị gia tăng	759.583	806.300
Thuế thu nhập cá nhân	453.327	18.214.166
TỔNG CỘNG	104.645.748	19.020.466

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chi phí lãi vay	91.605.264	2.000.363.852
Trong đó:		
Chi phí lãi trái phiếu	89.178.084	1.997.936.672
Chi phí lãi Hợp đồng HTKD	2.427.180	2.427.180
Chi phí hoạt động	-	15.413.409
Các khoản khác	3.430.530	5.331.099
TỔNG CỘNG	95.035.794	2.021.108.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	540.170.880	1.432.092.780
Phải trả các tổ chức, cá nhân	21.773.997	31.098.006
Các khoản khác	29.169.430	33.261.478
	591.114.307	1.496.452.264
Dài hạn		
Các khoản khác	7.666.626	7.666.626
	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	598.780.933	1.504.118.890

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Vay ngắn hạn		
Mượn các tổ chức, cá nhân	283.465.837	287.404.137
Mượn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	4.800.000	-
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả trong vòng một năm	-	1.099.000.000
	288.265.837	1.386.404.137
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	1.975.732.455	-
	1.975.732.455	-
TỔNG CỘNG	2.263.998.292	1.386.404.137

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tổ chức thu xếp phát hành		
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (“OCBS”)	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.099.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(24.267.545)	-
TỔNG CỘNG	1.975.732.455	1.099.000.000
Trong đó:		
Trái phiếu dài hạn	1.975.732.455	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	-	1.099.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngân VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lỗi lũy kế
9 tháng năm 2025				Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.574.679.470	-	(686.640)	(3.387.918.129)
Tăng vốn trong kỳ	2.100.000.000	408.450.000	-	-
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(205.171.703)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	(2.304.000)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2025	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(3.595.393.832)
				9.487.048.998
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lỗi lũy kế
9 tháng năm 2026				Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2025	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(2.546.180.552)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.406.188.662
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	(2.304.000)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2026	12.674.679.470	408.450.000	(686.640)	(142.295.890)
				12.940.146.940



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý III năm 2026

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.267.467.947	1.267.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.267.467.947	1.267.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.267.467.947	1.267.467.947
Số lượng cổ phiếu mua lại của chính mình	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.267.399.283	1.267.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.267.399.283	1.267.399.283

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	3.192.294	2.208.604	10.232.992	7.005.706
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng hóa	1.594.847	792.054	5.861.094	2.830.624
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.597.447	1.416.550	4.371.898	4.175.082

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	22.722.818	-	430.262.462	6.000.000
Lãi cho vay	16.509.683	16.626.623	83.695.713	56.876.132
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	51.387.135	-	65.018.094	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	(588.076)	7.457.828	22	14.408.678
Doanh thu tài chính khác	4.128.432	34.763	13.178.132	94.185
TỔNG CỘNG	94.159.992	24.119.214	592.154.423	77.378.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay		Năm nay	
	Năm trước		Năm trước	
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.594.847	792.054	5.861.094	2.830.624
Giá vốn dịch vụ cung cấp	672.818	508.289	2.020.256	1.524.867
TỔNG CỘNG	2.267.665	1.300.343	7.881.350	4.355.491

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay		Năm nay	
	Năm trước		Năm trước	
Chi phí đi vay	34.366.818	58.630.931	137.133.760	223.386.180
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.268.866	-	2.268.866	-
	-	(9.137.964)	(712.985.120)	9.137.036
Các khoản khác	-	238.163	-	538.811
TỔNG CỘNG	36.635.684	49.731.130	(573.582.494)	233.062.027



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III		Ngàn VND	
			Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	315.868	1.403.224	2.770.019	2.305.676
Chi phí lương nhân viên	99.131	94.335	294.393	285.672
Chi phí khác	-	-	-	51.996
TỔNG CỘNG	414.999	1.497.559	3.064.412	2.643.344

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III		Ngàn VND	
			Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	10.861.457	9.524.283	31.311.616	27.629.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.829.586	2.461.281	22.342.542	13.089.086
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.038.757	1.028.878	3.045.846	3.125.373
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	(277.823)	-	70.558.753	(172.714)
Chi phí khác	2.261.094	1.072.990	13.145.429	3.902.120
TỔNG CỘNG	17.713.071	14.087.432	140.404.186	47.573.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	110	52.831	1.549.918.658	434.488
Chi phí lãi trái phiếu được miễn giảm (*)	-	-	1.534.505.139	-
Các khoản khác	110	52.831	15.413.519	434.488
Chi phí khác	732.078	523.591	62.611.408	1.432.122
Đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	-	-	59.882.433	331.648
Các khoản phạt	3.714	112.913	3.714	120.982
Các khoản khác	728.364	410.678	2.725.261	979.492
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	(731.968)	(470.760)	1.487.307.250	(997.634)

(*) Trong kỳ, căn cứ theo Thông báo về việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ số 79/CNHCM-P.MBN1 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, Công ty được giảm trừ nghĩa vụ trả nợ tương ứng với phần chi phí lãi vay với tổng giá trị là 1.534.505.139 ngàn VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	2.511.927.211	(204.247.529)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.725.261	675.188
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.268.868	14.408.678
Các khoản phạt	3.714	120.982
Hoàn nhập dự phòng	(712.985.120)	-
Các khoản khác	59.882.433	-
Thu nhập (lỗ) chịu thuế ước tính	1.863.822.367	(189.042.681)
Lỗ các kỳ trước chuyển sang	(1.346.658.179)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	517.164.188	-
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	103.432.838	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	103.625
Điều chỉnh khác	-	(65.955)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(37.670)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	103.432.838	-

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Ngàn VND			
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Trả tiền mượn	346.782.972
		Góp vốn	287.000.000
		Chi hộ	74.919.000
		Lãi cho vay	60.733.794
		Lãi từ Hợp đồng HTKD	12.896.219
		Thu tiền cho mượn	6.001.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Góp vốn	506.000.000
		Trả tiền mượn	138.160.885
		Lãi từ Hợp đồng HTKD	22.721.479
		Mua hàng hóa và dịch vụ	42.500
		Bán hàng hóa và dịch vụ	16.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn	156.333.507
		Trả tiền mượn	25.440.000
		Lãi cho vay	22.961.918
		Mua hàng hóa và dịch vụ	11.445.594
		Bán hàng hóa và dịch vụ	5.902.678
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Cho mượn Chi hộ	373.656.000 500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Savannakhet	Công ty liên quan	Góp vốn Lãi từ Hợp đồng HTKD	316.000.000 3.533.260
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	12.500.000
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn Chi hộ	4.800.000 376.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay	453.425.000
		Lãi cho vay	61.961.735
Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	Công ty liên quan	Phải thu cho vay	1.733.096
TỔNG CỘNG			517.119.831
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 13.3)			
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Hợp đồng HTKD	506.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	22.721.479
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay	400.000.000
		Lãi cho vay	70.955.152
Công ty Cổ phần Đầu tư Savannakhet	Công ty liên quan	Hợp đồng HTKD	316.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	3.533.260
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Hợp đồng HTKD	287.000.000
		Lãi hợp đồng HTKD	12.896.221
TỔNG CỘNG			1.619.106.112
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	4.436.002
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	3.342.619
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	2.865.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	2.512.667
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	1.612.712
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định	874.763
TỔNG CỘNG			15.644.083
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	22.762.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Chi trả hộ	497.323.846
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	184.776.521
Công ty TNHH sản xuất Bột mì	Công ty con	Chi trả hộ	162.119.219
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	157.243.526
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con	Chi trả hộ	141.346.241
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	72.026.606
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi trả hộ	42.650.715
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	12.500.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	949.119
TỔNG CỘNG			1.270.935.793
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	6.458.811
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	279.799
TỔNG CỘNG			6.738.610
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	8.875.417
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	272.126.693
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con	Mượn tạm	245.274.437
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750
TỔNG CỘNG			540.170.880
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20)			
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn	4.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

		Ngàn VND
Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.923.874
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.178.925
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.159.395
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	1.088.683
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	1.057.896
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	609.815
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS	511.401
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS	358.738
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên độc lập HĐQT	243.000
TỔNG CỘNG		8.131.727

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	23.640.371	23.640.371
Phải thu về cho vay ngắn hạn	21.554.573	(21.554.573)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.833.603.949	(2.085.798)	1.831.518.151
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(874.701.197)	218.415.551	(656.285.646)
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	(17.458.025)	(17.458.025)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(1.188.663.733)	(200.957.526)	(1.389.621.259)
Phải thu về cho vay dài hạn	400.000.000	(400.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	1.361.464.420	(501.418.234)	860.046.186
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	901.418.234	901.418.234
Phải trả ngắn hạn khác	1.783.856.401	(287.404.137)	1.496.452.264
Vay ngắn hạn	1.099.000.000	287.404.137	1.386.404.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2026

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2026, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HGI"), công ty con của Công ty, đã hoàn tất chào bán cổ phiếu lần đầu tiên ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 18.800.000 cổ phiếu, giá phát hành 60.600 VND/cổ phiếu và tổng số tiền thu về là 1.139.280.000 ngàn VND. Vào ngày 8 tháng 10 năm 2026, HGI đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính Gia Lai cấp phê duyệt tăng vốn cổ phần của HGI lên 1.873.000.000 ngàn VND. Theo Công văn số 10095/UBCK-GDĐC ký ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy Ban chứng khoán nhà nước, HGI đã trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2026. Bên cạnh đó, vào ngày 5 và ngày 7 tháng 10 năm 2026, Công ty cũng đã hoàn tất chuyển nhượng một phần vốn góp vào HGI cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HGI giảm từ 83,90% xuống còn 74,79%.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 10 năm 2026